

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày 24 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mạnh Kim Ngọc
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T (tên gọi khác: C); sinh năm 1994, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: A206 Chung cư A, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn H (chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc P; vợ, con: Chưa có; tiền án; Không;

Tiền sự: Ngày 14/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong quyết định ngày 12/6/2019.

Nhân thân:

- Ngày 03/7/2014, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong bản án ngày 19/4/2018.

- Ngày 24/12/2015, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong bản án ngày 01/02/2017.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2020 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Lê Minh H, sinh năm 2000; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Tài chính TNHH M; địa chỉ trụ sở: Tầng 12, Toà nhà T, số 54 NC, phường LT, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (địa chỉ mới: Tầng 9-10-11-12 Tòa nhà B, số 21 CL, phường CL, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 50 phút, ngày 16/10/2020, Nguyễn Tấn T điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki Raider, biển số 59L3-132.86 đi đến trước số 7/7A PH, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, T nhìn thấy anh Lê Minh H đang ngồi trên xe mô tô (đang dừng xe) và sử dụng điện thoại di động hiệu Vsmart nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của anh H. T điều khiển xe theo hướng ngược lại, áp sát và dùng tay trái giật được chiếc điện thoại di động hiệu Vsmart của anh H, rồi tăng ga tẩu thoát. Bị chiếm đoạt tài sản, anh H tri hô và điều khiển xe đuổi theo T đến trước số 412 – 414 Đường P, Phường B, Quận 8, anh H đụng vào phía sau xe của T làm T ngã xuống đường. T bị anh H và quần chúng nhân dân bắt giữ, giao đến Công an Phường 4, Quận 8. Công an phường tiếp nhận người và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T. Đồng thời, Công an tạm giữ của T: 01 đồng hồ hiệu Tissot, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu Vsmart, 01 xe mô tô biển số 59L3-132.86 và số tiền 2.950.000 đồng. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 điều tra, làm rõ.

Ngày 08/12/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Vsmart màu xanh đen (đã qua sử dụng) có trị giá là 2.200.000 đồng. Ngày 13/5/2021, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả lại điện thoại trên cho anh Lê Minh H. Đồng thời, anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tấn T đã khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên, lời khai của T phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án:

- 01 đồng hồ hiệu Tissot, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 2.950.000 đồng, là các tài sản cá nhân của T, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Xe mô tô hiệu Suzuki Raider biển số 59L3-132.86 tạm giữ của T, qua điều tra xác minh do T đứng tên đăng ký. Số tiền mua xe này do T vay của Công ty Tài chính TNHH M.

Tại văn bản số: 86/2021/CV-Mcredit-TGĐ ngày 24/5/2021, Công ty Tài chính TNHH M (gọi tắt là Công ty) trình bày như sau: Nguyễn Tấn T và Công ty có ký Hợp đồng cho vay

mua hàng trả góp số: 1000320100144643 ngày 12/10/2020. Theo đó, Công ty cho T vay số tiền 45.365.000 đồng, thời hạn thanh toán chia làm 18 kỳ trả nợ. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe hiện do Công ty giữ và T chưa thanh toán đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng. Căn cứ theo thỏa thuận tại Điều 6 của Các điều kiện và điều khoản kèm theo Hợp đồng vay ngày 12/10/2020, chiếc xe mô tô biển số 59L3-132.86 là hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay của Công ty, do Nguyễn Tấn T bị khởi tố nên thuộc trường hợp Công ty được quyền tự xử lý hàng hóa. Do đó, Công ty yêu cầu giao xe cho Công ty để thực hiện các biện pháp thu hồi nợ theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 122/CT-VKS ngày 31/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Cướp giật tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với phương tiện phạm tội là xe mô tô biển số 59L3-132.86; đề nghị trả lại cho bị cáo các tài sản gồm: 01 đồng hồ hiệu Tissot, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 2.950.000 đồng, do không liên quan đến hành vi phạm tội. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại Lê Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Công ty Tài chính TNHH M đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, trong giai đoạn điều tra, bị hại đã có lời khai đầy đủ và

xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại; Công ty Tài chính TNHH M đã có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu, do đó việc bị hại và Công ty Tài chính TNHH M vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 10 giờ 50 phút, ngày 16/10/2020, tại trước số 7/7A PH, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Tấn T có hành vi công khai chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu xanh đen trị giá 2.200.000 đồng của anh Lê Minh H, rồi nhanh chóng tẩu thoát nhưng sau đó bị bắt quả tang. Bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” của tội “Cướp giật tài sản”.

[4] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[5] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, thuộc

trường hợp “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Bị cáo có 01 tiền sự về việc bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và 02 lần bị kết án về các tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản” vào các năm 2014 và 2015. Mặc dù không bị coi là án tích nhưng Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

[9] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động hiệu Vsmart là tài sản bị cáo chiếm đoạt, đã được thu hồi, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại. Đồng thời, bị hại không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Các tài sản tạm giữ của bị cáo gồm: 01 đồng hồ hiệu Tissot, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 2.950.000 đồng. Đây là các tài sản cá nhân của bị cáo, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo các tài sản nêu trên.

[12] Xe mô tô biển số 59L3-132.86 là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội, xe do bị cáo T đứng tên đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký số 169831, tại Công an Quận 8 ngày 15/10/2020. Qua điều tra xác định số tiền mua xe do bị cáo vay từ Công ty Tài chính TNHH M, hiện Công ty đang giữ bản chính Giấy đăng ký xe. Hội đồng xét xử nhận thấy, xe mô tô biển số 59L3-132.86 là động sản thuộc trường hợp phải đăng ký theo quy định pháp luật, bị cáo T đã thực hiện việc đăng ký và đứng tên chủ xe nên có căn cứ xác định xe mô tô biển số 59L3-132.86 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo. Do bị cáo dùng xe thuộc sở hữu của mình làm phương tiện phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, thì xe này thuộc trường hợp bị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[13] Xét yêu cầu của Công ty Tài chính TNHH M về việc giao xe cho Công ty để xử lý theo thỏa thuận tại Điều 6 của Các điều kiện và điều khoản kèm theo Hợp đồng vay ngày 12/10/2020, vì cho rằng bị cáo là bên vay đã bị khởi tố nên căn cứ thỏa thuận giữa các bên thì trường hợp này Công ty được quyền tự quyết định về việc lựa chọn phương thức xử lý đối với hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay. Hội đồng xét xử nhận thấy, thỏa thuận tại Điều 6 của Các điều kiện và điều khoản kèm theo Hợp đồng vay ngày 12/10/2020 do Công ty Tài chính TNHH M vi phạm dẫn về quyền tự lựa chọn phương thức xử lý đối với xe mô tô biển số 59L3-132.86 trong trường hợp bên vay bị khởi tố là không phù hợp quy định pháp luật. Mặt khác, Công ty cũng không chứng minh được xe mô tô biển số 59L3-132.86 là tài sản bảo đảm cho khoản vay và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, do đó yêu cầu của Công ty Tài chính TNHH M là không có căn cứ chấp nhận.

[14] Xét Hợp đồng cho vay mua hàng trả góp số: 1000320100144643 ngày 12/10/2020 và Các điều kiện và điều khoản kèm theo Hợp đồng được ký giữa Công ty Tài chính TNHH M và bị cáo Nguyễn Tấn T, có căn cứ xác định giữa Công ty và bị cáo T có xác lập giao dịch hợp đồng về việc vay tài sản là tiền. Theo đó, bị cáo có nghĩa vụ trả nợ vay định kỳ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nghĩa vụ của bị cáo được xác định là nghĩa vụ trả tiền. Do đó, trong trường hợp bị cáo không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Tài chính TNHH M có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bị cáo T thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các điều 357, 466 và 468 Bộ luật Dân sự.

[15] Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/10/2020.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Suzuki Raider, biển số 59L3-132.86, số khung: RLSDL11ANLV145009, số máy: CGA1545141.

Trả lại bị cáo Nguyễn Tấn T:

+ 01 đồng hồ hiệu Tissot bằng kim loại màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 357174/73138716; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đen, số Imei 1: 1354868101667931, số Imei 2: 354869101667939.

+ Số tiền 2.950.000 (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/6/2021)

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc